TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 134/2023/DS-PT Ngày: 23/3/2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 14/2023/TLPT-DS ngày 06/01/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DSST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo bị kháng cáo, kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐ-PT ngày 03/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh L.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị D - Sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ4, xã P, huyện Đ3, tỉnh L.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Xuân L - Sinh năm 1965 (có mặt).
- Ông Vũ Văn C - Sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phí Thị T - Sinh năm 1965 (có mặt).
- Bà Lê Thị H - Sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T1 - Sinh năm 1988 (có mặt).
- Ông Nguyễn Văn T2 - Sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phạm Đình T3 - Sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E3, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Vợ chồng ông Vũ Văn C và bà Lê Thị H có 03 quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 30, diện tích 7.309 m^2, thửa đất số 31, diện tích 7531 m^2 và thửa đất số 50, diện tích 3520 m^2, đều thuộc tờ bản đồ 50, địa chỉ thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện E2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 590627 ngày 21/3/2014, số BQ 590626 ngày 21/3/2014, số CC 611177 ngày 04/12/2015 đứng tên ông C, bà H.

Vợ chồng ông Lê Xuân L và bà Phí Thị T có 03 quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 20, diện tích 2110 m^2, thửa đất số 32, diện tích 9475 m^2, tờ bản đồ số 50, địa chỉ thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện E2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 099585 ngày 20/5/2002 đứng tên hộ ông L và thửa đất số 138, diện tích 1200,5 m^2, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đến ngày 27/9/2022 được UBND huyện E2 cấp giấy chứng nhận số DĐ 328433 đứng tên ông L, bà T).

Ngày 03/5/2022 ông Lê Xuân L và ông Vũ Văn C (bên chuyển nhượng) ký kết hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Văn H (bên nhận chuyển nhượng), nội dung: ông H đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng toàn bộ 05 thửa đất số 30, 31, 50, 20, 32, tổng diện tích 31145 m^2 với giá 4.250.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc 35 ngày (từ ngày 03/5/2022 đến ngày 10/6/2022); nếu ông C, ông L không bán nữa thì phải bồi thường gấp 02 lần tiền cọc, tổng số tiền hoàn trả và bồi thường 01 tỷ đồng; nếu ông H không mua nữa thì phải mất tiền cọc. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc thì thửa đất số 138 chưa có tên thửa đất, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng tổng diện tích đất 31145 m^2 là đã bao gồm cả 1.200 m^2 của thửa đất 138.

Để thực hiện cam kết, cùng ngày 03/5/2022 ông H đã giao cho ông L, ông C 500.000.000 đồng tiền cọc.

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện cho rằng:*** Khi ký kết hợp đồng công chứng thì thửa đất 138 bị đơn chưa làm xong thủ tục để có giấy chứng nhận nên không ký kết được hợp đồng; các thửa đất có các đồng sở hữu khác nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn biết; mẫu hợp đồng chuyển nhượng được soạn thảo sẵn, có nội dung không đúng với thỏa thuận nên ông H không đồng ký giao kết

hợp đồng chuyển nhượng. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 03/5/2022 vô hiệu và buộc ông Lê Xuân L và ông Vũ Văn C trả lại tiền cọc 500.000.000 đồng.

**** Bị đơn phản tố ông Vũ Văn C, ông Lê Xuân L cho rằng:*** Tại hợp đồng đặt cọc các bên chỉ thỏa thuận thời hạn để thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng 05 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 35 ngày, còn thửa đất 38 chưa có giấy chứng nhận các bên thỏa thuận chuyển nhượng nhưng không ấn định thời gian cụ thể. Do vậy, ngày 10/6/2022 các bên đến phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng, vợ chồng ông C, vợ chồng ông L đều có mặt (tức là các đồng sở hữu đều có mặt); hợp đồng chuyển nhượng theo mẫu của văn phòng công chứng, không phải do bị đơn tự soạn thảo, các bên có quyền thỏa thuận lại những nội dung ghi trong hợp đồng nhưng ông H không thỏa thuận mà tự ý bỏ về. Tại thời điểm này, thửa đất 138 chưa có giấy chứng nhận nhưng đã ra được trích lục địa chính. Như vậy, bị đơn không vi phạm hợp đồng nên không đồng ý trả lại tiền cọc.

Đồng thời các bị đơn ông C và ông L phản tố yêu cầu nguyên đơn ông H phải bồi thường giá trị tài sản trên các thửa đất mà nguyên đơn đã phá bỏ theo giá đã định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, bà Phí Thị T trình bày:*** Nhất trí với ý kiến trình bày của ông C, ông L.

**** Người làm chứng:***

- Ông Phạm Đình T3 trình bày: Đất rẫy của ông cạnh đất rẫy nhà ông C. Sáng một ngày (không nhớ) tháng 5/2022 ông nhìn thấy ông H đang cầm cưa loại cưa tay để cưa cây cà phê trên đất nhà ông C. Ông hỏi thì ông H nói cưa cho Bơ và Mắc Ca lên. Khi ông đi xuống dưới đất rẫy nhà ông, ông nhìn lên phía rẫy nhà ông C thì thấy một số cây Cà phê, cây Bơ trên rẫy nhà ông C đã bị cưa ngã.

- Ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Khoảng tháng 5/2022, ông T1 và ông T2 được ông H thuê đến rẫy nhà ông L, ông C để nhổ và gom lại thành đống đối với số cây Tiêu thuộc rẫy ông L. Hai bên thỏa thuận miệng, giá công là 8.000 đồng/trụ. Hai ông đã nhổ bỏ được 475 trụ Tiêu vừa bằng gỗ, vừa bằng bê tông, khi nhổ thì có cả cây tiêu đang sống bám trụ và đang cho thu hoạch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DSST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện E2 đã quyết định: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự,

- Đình chỉ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 03/5/2022 vô hiệu và đòi tiền đặt cọc 500 triệu đồng.

- Chấp nhận đơn phản tố của ông Lê Xuân L và ông Vũ Văn C. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng L, bà T 227.028.400 đồng; bồi thường cho vợ chồng ông C, bà H 34.079.200 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng.

Ngày 26/11/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết đơn khởi kiện của ông, đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đối với khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu và buộc vợ chồng ông L, bà T, vợ chồng ông C, bà H phải trả lại tiền cọc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại đơn đề nghị hoãn phiên tòa của luật sư N thể hiện ông H biết được thời gian, địa điểm mở phiên tòa; do ông H vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa, quyết định hoãn được tống đạt cho ông H. Như vậy, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, sau khi hai bên ký kết thỏa thuận đặt cọc, ông H đã chặt cây, thuê người nhổ trụ tiêu. Do hai bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc, tài sản bị chặt bỏ không thể khôi phục được nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải bồi thường cho vợ chồng ông L 227.028.400 đồng và bồi thường cho vợ chồng ông C 34.079.200 đồng là phù hợp Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 03/5/2022 vô hiệu và buộc ông Lê Xuân L và ông Vũ Văn C trả lại tiền cọc 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận ngày 03/5/2022 hai bên thỏa thuận về việc chuyển nhượng 06 thửa đất (05 thửa đã có giấy chứng nhận, 01 thửa chưa có giấy chứng nhận) tại thôn T, xã E1, huyện E2, giá chuyển nhượng 4.250.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc chuyển nhượng, cùng ngày hai bên đã lập hợp đồng đặt cọc, ông H đặt cọc cho ông C và ông L 500.000.000 đồng, thời hạn thực hiện đặt cọc là 35 ngày, từ ngày 03/5/2022 đến ngày 10/6/2022, bị đơn phải lên bìa hồng cho nguyên đơn đúng với diện tích thỏa thuận là 31145 m^2 và các bên đến phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 10/6/2022 các bên đến phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng, do thửa đất số 138 chưa có giấy chứng nhận nên chỉ ký kết hợp đồng chuyển nhượng đối với 05 thửa đất, ông H không đồng ý và bỏ về. Ông H cho rằng việc không tiếp tục thực hiện được hợp đồng là do lỗi của ông L, ông C nên ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu và buộc bị đơn phải trả lại tiền cọc. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đã đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Văn C và ông Lê Xuân L về việc buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải bồi thường thiệt hại tài sản trên các thửa đất theo giá đã định giá.

Vợ chồng ông Lê Xuân L, bà Phí Thị T và vợ chồng ông Vũ Văn C và bà Lê Thị H đều trình bày, sau khi ký kết hợp đồng đặt cọc, các bị đơn đã bàn giao các thửa đất và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng. Ông H đã chặt bỏ cây trồng trên đất ông C, nhổ bỏ trụ tiêu trên đất ông L. Theo lời khai của những người làm chứng ông Phạm Đình T3, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 thể hiện ông H là người dùng cưa tay để cưa cây Cà phê, cây Bơ trên đất ông C; ông H đã thuê ông T1, ông T2 nhổ trụ tiêu trên đất của ông L. Như vậy, lời khai của vợ chồng ông C, vợ chồng ông L phù hợp với lời khai của người làm chứng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không thừa nhận đã chặt bỏ cây trồng trên đất ông C, thuê người nhổ trụ tiêu trên đất ông L nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình cũng như phản bác lại ý kiến của bị đơn và người làm chứng.

Mặc dù trong hợp đồng đặt cọc không thỏa thuận nhưng thực tế các bên đã thực hiện một phần của thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông H đã nhận đất và tài sản trên đất, tiến hành nhổ bỏ trụ tiêu, cưa cây trên đất của ông C, ông L. Do cây trồng và tài sản đã bị chặt, bỏ không thể phục hồi được, trong khi các bên không tiếp tục thực hiện được hợp đồng đặt cọc, thỏa thuận chuyển nhượng

quyền sử dụng đất nên ông H phải bồi thường giá trị cây trồng và tài sản trên đất đã chặt, bỏ cho vợ chồng ông C, vợ chồng ông L.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 12/9/2022 thể hiện các tài sản trên thửa đất của ông L trị giá 227.028.400 đồng, của ông C trị giá 34.079.200 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải bồi thường cho vợ chồng ông L 227.028.400 đồng, cho vợ chồng ông C 34.079.200 đồng là phù hợp Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 13/9/2022 Tòa án sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho nguyên đơn ông H thông qua Bưu điện Việt Nam nhưng không thành. Ngày mở phiên tòa (chiều ngày 29/9/2022), ông Phạm Văn N người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà có mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Đơn đề nghị hoãn có nội dung ông N được ông Hà thông báo vì lý do đột xuất về sức khỏe nên không đến Tòa án để tham gia phiên tòa được. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng thừa nhận ông đã nhận được giấy báo của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vì lý do sức khỏe nên đã thông báo cho luật sư N để luật sư N làm đơn hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Như vậy, ông H đã biết được thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án đã triệu tập ông H hợp lệ lần thứ nhất theo khoản 1 Điều 173, Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 29/9/2022 Tòa án sơ thẩm ban hành quyết định hoãn phiên tòa và đã tống đạt cho nguyên đơn ông H thông qua Bưu điện Việt Nam nhưng không thành nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 12/10/2022 Tòa án sơ thẩm ban hành quyết định hoãn phiên tòa và đã tống đạt cho nguyên đơn ông H thông qua TAND huyện Đ3, tỉnh L, ông H đã nhận được. Như vậy, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo khoản 1 Điều 173, Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, ông H cho rằng ông không nhận được quyết định xét xử là không có cơ sở.

Tại đơn yêu cầu phản tố và bản khai của ông C, ông L thể hiện bị đơn yêu cầu nguyên đơn ông H phải bồi thường thiệt hại tài sản là trụ tiêu, cây trồng trên đất, có cung cấp người làm chứng là T3, ông T1, ông T2. Ngày 08/8/2022 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp ông H có mặt, không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp; ông H trình bày và không thừa nhận việc phá bỏ các cây trồng trên đất và không chấp nhận việc bồi thường. Quá trình xét xử, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng tại phiên tòa là đã từ bỏ quyền tham gia phiên tòa, quyền tranh tụng tại phiên tòa theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc

thu thập chứng cứ, chưa lấy lời khai của ông về yêu cầu phản tố của bị đơn mà đã giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DSST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DSST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 328, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2.1]. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 03/5/2022 giữa bên đặt cọc ông Nguyễn Văn H và bên nhận đặt cọc ông Lê Xuân L, ông Vũ Văn C vô hiệu; yêu cầu buộc ông L, ông C phải trả lại tiền cọc 500.000.000 đồng.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Xuân L và ông Vũ Văn C.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Lê Xuân L và bà Phí Thị T 227.028.400 đồng.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Vũ Văn C và bà Lê Thị H 34.079.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng.

[3.1]. Về án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H phải chịu 13.055.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Sung công quỹ Nhà nước 12.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông Nguyễn Văn H theo biên lai thu số 973 ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

+ Trả lại cho ông Vũ Văn C 475.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 10535 ngày 11/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

+ Trả lại cho ông Lê Xuân L 16.626.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 10534 ngày 11/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 10998 ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về chi phí tố tụng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do ông Lê Xuân L đã nộp tạm ứng nên ông H có nghĩa vụ trả lại cho ông L 4.000.000 đồng.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E2;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh Vân